

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1) (*Ví dụ: thời điểm đóng thầu là vào ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022*);

2. Trường hợp nhà thầu liên danh thì trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục công việc nêu trong điều khoản tham chiếu, đề xuất kỹ thuật, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này;

3. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu;

4. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT;

5. Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống;

6. Có đủ điều kiện năng lực hoạt động theo quy định của pháp luật quản lý ngành và lĩnh vực (nếu có).

Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong các bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

2.1. Việc đánh giá về kỹ thuật đối với từng E-HSDT được thực hiện theo phương pháp chấm điểm, trong đó phải quy định mức điểm tối đa đối với các tiêu chuẩn tổng quát, tiêu chuẩn chi tiết; quy định mức điểm tối thiểu đối với tiêu chuẩn tổng quát và chi tiết (nếu cần thiết) của các nội dung giải pháp và phương pháp luận, nhân sự chủ chốt. Đối với tiêu chuẩn về kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu, căn cứ tính chất gói thầu để xác định sự cần thiết quy định hoặc không quy định điểm tối thiểu đối với tiêu chuẩn tổng quát này. Việc đánh giá hợp đồng tương tự của nhà thầu liên danh căn cứ vào phạm vi công việc của từng thành viên trong liên danh đảm nhận.

Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật bao gồm các nội dung sau đây:

Bảng số 01 (Webform trên Hệ thống)

<i>Stt</i>	<i>Tiêu chuẩn</i>	<i>Điểm tối đa</i>	<i>Thang điểm chi tiết (nếu có)</i>	<i>Mức điểm yêu cầu tối thiểu</i>
1	<i>Kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu</i> <i>(15% tổng số điểm)</i>	15		9
	<i>a) Đã thực hiện gói thầu có tính chất tương tự trong 03 năm gần đây (từ tháng 1/2023 đến nay) ⁽¹⁾</i>	15		
	<i>>4 gói thầu</i>		15	
	<i>04 gói thầu</i>		12	
	<i>03 gói thầu</i>		9	
	<i>02 gói thầu</i>		6	
	<i>01 gói thầu</i>		3	
	<i>0 gói thầu</i>		0	
2	<i>Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu</i> ⁽³⁾ <i>(5% tổng số điểm)</i> <i>Do EVNCPC và các đơn vị thành viên EVNCPC đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong vòng 36 tháng tính đến tháng có thời điểm đóng thầu (riêng kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu thì thời gian đăng tải trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia tối thiểu sau 20 ngày kể từ ngày đăng tải, danh sách các đơn vị thành viên theo Điều lệ của EVNCPC tại thời điểm đánh giá hợp đồng), gồm::</i> <i>- Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu: (i) nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có) trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất khi được mời vào đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có); (ii) nhà thầu đã đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có) nhưng từ chối hoặc không ký kết biên bản thương thảo hợp đồng; (iii) nhà thầu được lựa chọn trúng thầu nhưng không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng hoặc không ký kết hợp đồng; (iv) Nhà thầu đã ký thỏa thuận khung nhưng</i>	05		<i>Không quy định</i>

Stt	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	<p>không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng hoặc không ký kết hợp đồng (v) Nhà thầu rút hồ sơ dự thầu, hồ sơ yêu cầu sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; (vi) Nhà thầu không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của chủ đầu tư, bên mời thầu hoặc không nộp tiền mặt, séc bảo chi, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định của pháp luật về đấu thầu; (vii) Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng; (viii) Nhà thầu từ chối hoặc không xác nhận về việc chấp thuận được trao hợp đồng trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày bên mời thầu mời nhà thầu xác nhận về việc chấp thuận được trao hợp đồng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia đối với chào giá trực tuyến rút gọn.”</p> <p>- Uy tín của nhà thầu dựa trên kết quả thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó và có lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu.</p>			
	- Không vi phạm: điểm tối đa.		5	
	- Có vi phạm: 0 điểm.		0	
3	Giải pháp và phương pháp luận (30% tổng số điểm)	30		18
3.1	Hiểu rõ mục đích gói thầu	4		
3.1.1	Am hiểu chung về phạm vi, quy mô của gói thầu nêu trong điều khoản tham chiếu.	1		
	Đáp ứng		1	
	Không đáp ứng		0	
3.1.2	Đề xuất kỹ thuật có nêu các nội dung phù hợp với phạm vi, quy mô của gói thầu	1		
	Đáp ứng		1	
	Không đáp ứng		0	
3.1.3	Khảo sát hiện trường dự án (đề xuất về kỹ thuật có các hình minh họa vị trí)	1		
	Đáp ứng		1	
	Không đáp ứng		0	

Stt	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
3.1.4	Đề xuất kỹ thuật có các nội dung mô tả về vị trí, đặc điểm của dự án	1		
	Đáp ứng		1	
	Không đáp ứng		0	
3.2	Cách tiếp cận và phương pháp luận	4		
3.2.1	Đề xuất kỹ thuật bao gồm tất cả các hạng mục công việc quy định trong điều khoản tham chiếu. Các hạng mục công việc được phân chia thành những nhiệm vụ cụ thể một cách hoàn chỉnh và logic; đồng thời có phân công cho từng chuyên gia tư vấn đề xuất cho dự án	2		
	Đáp ứng		2	
	Không đáp ứng		0	
3.2.2	Đề xuất trình bày rõ ràng làm thế nào để thực hiện tốt được công việc (đặc biệt là những công việc mang tính đặc thù của dự án)	1		
	Đáp ứng		1	
	Không đáp ứng		0	
3.2.3	Phương pháp luận phù hợp với nhiệm vụ.	1		
	Đáp ứng		1	
	Không đáp ứng		0	
3.3	Sáng kiến cải tiến	2		
	Có sáng kiến đáp ứng chất lượng và vượt tiến độ gói thầu		2	
	Có sáng kiến đáp ứng chất lượng gói thầu		1	
	Không có sáng kiến		0	
3.4	Cách trình bày	2		
	Trình bày khoa học, dễ theo dõi, hoàn chỉnh và hợp lý, có mục lục chi tiết		2	
	Trình bày tương đối khoa học, hoàn chỉnh và hợp lý, chấp nhận được		1	
	Trình bày sơ sài, không phù hợp, không chấp nhận được		0	
3.5	Kế hoạch triển khai	10		
3.5.1	Có xây dựng kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ nêu trong điều khoản tham chiếu	5		
	Xây dựng đầy đủ, hợp lý, chi tiết		5	

Stt	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	<i>Có xây dựng nhưng chưa đầy đủ, chưa hợp lý</i>		3	
	<i>Không xây dựng</i>		0	
3.5.2	<i>Kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ phù hợp với giải pháp, phương pháp luận và tiến độ dự kiến</i>	2		
	<i>Đáp ứng</i>		2	
	<i>Không đáp ứng</i>		0	
3.5.3	<i>Kế hoạch của mỗi nhiệm vụ cụ thể được phân tích, mô tả chi tiết và khả thi</i>	1,5		
	<i>Đáp ứng</i>		1,5	
	<i>Không đáp ứng</i>		0	
3.5.4	<i>Tổng thời gian thực hiện các nhiệm vụ (thời gian thực hiện hợp đồng) phù hợp với tiến độ qui định trong HSMT</i>	1,5		
	<i>Đáp ứng</i>		1,5	
	<i>Không đáp ứng</i>		0	
3.6	<i>Bố trí nhân sự</i>	6		
3.6.1	<i>Có bảng phân công nguồn nhân lực thực hiện các nhiệm vụ</i>	2		
	<i>Đáp ứng</i>		2	
	<i>Không đáp ứng</i>		0	
3.6.2	<i>Bảng phân công nguồn nhân lực thực hiện các nhiệm vụ được lập chi tiết, đầy đủ cho tất cả các nhiệm vụ nêu trong điều khoản tham chiếu</i>	2		
	<i>Đáp ứng</i>		2	
	<i>Đáp ứng nhưng chưa đầy đủ (Bảng phân công chưa chi tiết cho các nhiệm vụ)</i>		0	
3.6.3	<i>Thời điểm và thời gian huy động nguồn nhân lực phù hợp với kế hoạch thực hiện.</i>	2		
	<i>Đáp ứng</i>		2	
	<i>Không đáp ứng</i>		0	
3.7	<i>Các yếu tố khác</i>	2		
	<i>Có bảng liệt kê các máy móc trang thiết bị, phần mềm phục vụ công tác thực hiện các nhiệm vụ (ghi các loại máy móc...)(có hoá đơn mua sắm/ hợp đồng thuê mượn)</i>			
	<i>Đáp ứng đầy đủ</i>		2	

Stt	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	<i>Đáp ứng nhưng chưa đầy đủ (có bảng liệt kê máy móc nhưng không cung cấp đủ hoá đơn/ hợp đồng thuê mướn)</i>		1	
	<i>Không đáp ứng</i>		0	
4	Nhân sự chủ chốt (50% tổng số điểm)	50	<i>Một vị trí nhân sự chủ chốt, E-HSDT chào thầu hoặc thiếu số lượng theo yêu cầu của E-HSMT thì không đáp ứng về kỹ thuật</i>	30
	Vị trí	Số lượng		
4.1	Chủ nhiệm khảo sát xây dựng	1	10	6
<i>a.</i>	<i>Năng lực đáp ứng yêu cầu tại PHỤ LỤC 2.BDL - Mục IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu - Chương V. Điều khoản tham chiếu</i>		5	
	<i>Đáp ứng</i>		5	
	<i>Không đáp ứng</i>		0	
<i>b</i>	<i>Đã là chủ nhiệm khảo sát công trình tương tự:</i>		5	
	<i>> 03 công trình</i>		5	
	<i>03 công trình</i>		4	
	<i>02 công trình</i>		3	
	<i>01 công trình</i>		2	
	<i>0 công trình</i>		0	
4.2	Chủ nhiệm lập dự án/chủ nhiệm thiết kế	01	15	9
<i>a</i>	<i>Năng lực đáp ứng yêu cầu tại PHỤ LỤC 2.BDL - Mục IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu - Chương V. Điều khoản tham chiếu</i>		7,5	
	<i>Đáp ứng</i>		7,5	
	<i>Không đáp ứng</i>		0	

Stt	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
b	Đã là chủ nhiệm lập dự án/chủ nhiệm thiết kế công trình tương tự:		7,5	
	> 03 công trình		7,5	
	03 công trình		6	
	02 công trình		4,5	
	01 công trình		3	
	0 công trình		0	
4.3	Chủ trì thiết kế phần kiến trúc:	01	10	6
a	Năng lực đáp ứng yêu cầu tại PHỤ LỤC 2.BDL - Mục IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu - Chương V. Điều khoản tham chiếu		5	
	Đáp ứng		5	
	Không đáp ứng		0	
b	Đã là chủ trì thiết kế phần kiến trúc công trình tương tự		5	
	> 03 công trình		5	
	03 công trình		4	
	02 công trình		3	
	01 công trình		2	
	0 công trình		0	
4.4	Chủ trì thiết kế phần kết cấu:	01	10	6
a	Năng lực đáp ứng yêu cầu tại PHỤ LỤC 2.BDL - Mục IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu - Chương V. Điều khoản tham chiếu		5	
	Đáp ứng		5	
	Không đáp ứng		0	
b	Đã là chủ trì thiết kế phần kết cấu công trình tương tự		5	
	> 03 công trình		5	
	03 công trình		4	
	02 công trình		3	
	01 công trình		2	
	0 công trình		0	
4.5	Chủ trì lập tổng mức đầu tư	01	5	3

<i>Stt</i>	<i>Tiêu chuẩn</i>	<i>Điểm tối đa</i>	<i>Thang điểm chi tiết (nếu có)</i>	<i>Mức điểm yêu cầu tối thiểu</i>
<i>a</i>	<i>Năng lực đáp ứng yêu cầu tại PHỤ LỤC 2.BDL - Mục IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu - Chương V. Điều khoản tham chiếu</i>	<i>2,5</i>		
	<i>Đáp ứng</i>		<i>2,5</i>	
	<i>Không đáp ứng</i>		<i>0</i>	
<i>b</i>	<i>Đã là chủ trì lập Tổng mức đầu tư công trình tương tự</i>	<i>2,5</i>		
	<i>> 03 công trình</i>		<i>2,5</i>	
	<i>03 công trình</i>		<i>2</i>	
	<i>02 công trình</i>		<i>1,5</i>	
	<i>01 công trình</i>		<i>1</i>	
	<i>0 công trình</i>		<i>0</i>	
	<i>Tổng cộng (100%)</i>	<i>100</i>		<i>70</i>

Ghi chú:

(1) Thời điểm xác định hợp đồng hoàn thành để xác định hợp đồng tương tự là thời điểm nghiệm thu công việc hoàn thành. Đối với các hợp đồng mà chủ đầu tư, tổ chuyên gia có bằng chứng cho thấy nhà thầu đã thực hiện với tư cách nhà thầu phụ do được chuyển nhượng bất hợp pháp, vi phạm quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì hợp đồng này sẽ không được xem xét, đánh giá.

Hợp đồng tương tự được xác định trên cơ sở tương tự về tính chất, không căn cứ vào quy mô (giá trị hợp đồng).

(2) Tùy theo tính chất của gói thầu mà quy định cho phù hợp. Ví dụ: đáp ứng về vật tư, máy móc, thiết bị (thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc đi thuê) để phục vụ công việc thí nghiệm....

(3) Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu thực hiện theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Đối với nhà thầu là tư vấn lập hồ sơ mời thầu, uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu còn thể hiện qua số lượng hồ sơ mời thầu bị kết luận có nội dung vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 44 của Luật Đấu thầu.

(4) Nhà thầu có thể đề xuất nhân sự chủ chốt thuộc biên chế của nhà thầu hoặc đi thuê. Nếu pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có quy định nhân sự phải có trình độ, bằng cấp chuyên môn cụ thể để được cấp giấy phép hành nghề/chứng chỉ chuyên môn thì trong E-HSMT ngoài yêu cầu về giấy phép hành nghề/chứng chỉ chuyên môn không được yêu cầu về trình độ, bằng cấp cụ thể của nhân sự chủ chốt.

Trường hợp E-HSMT có quy định về số năm kinh nghiệm trong các công việc tương tự thì số năm kinh nghiệm này được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu.

2.2 Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật cần đảm bảo các yêu cầu sau:

- *Tổng điểm cho các nội dung kinh nghiệm và năng lực, uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng, giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, yêu cầu về chuyển giao công nghệ (nếu có) là 100%.*

- *Đối với tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt: chỉ đưa các tiêu chuẩn đánh giá về trình độ chuyên môn, năng lực, kinh nghiệm trên cơ sở phù hợp với vị trí công việc của mỗi nhân sự chủ chốt nêu tại khoản 4 của Bảng số 01 mà không đưa tiêu chuẩn đánh giá đối với nhân sự khác.*

- *Đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất, phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá:*

+ *Mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với tiêu chuẩn giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, chuyển giao công nghệ (nếu có) không được quy định thấp hơn 60% điểm tối đa của tiêu chuẩn đó (không thấp hơn 70% đối với gói thầu tư vấn có yêu cầu kỹ thuật cao, đặc thù). E-HSMT không đáp ứng mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với một hoặc các tiêu chuẩn giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, chuyển giao công nghệ (nếu có) được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật;*

+ *Mức điểm yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật không được quy định thấp hơn 70% tổng số điểm về kỹ thuật (80% đối với gói thầu tư vấn có yêu cầu kỹ thuật cao, đặc thù). E-HSMT có điểm kỹ thuật không thấp hơn mức điểm yêu cầu tối thiểu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.*

- *Đối với gói thầu áp dụng phương pháp dựa trên kỹ thuật:*

+ *Mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với tiêu chuẩn giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, chuyển giao công nghệ (nếu có) không được quy định thấp hơn 70% điểm tối đa của tiêu chuẩn đó. E-HSMT không đáp ứng mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với một hoặc các tiêu chuẩn giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, chuyển giao công nghệ (nếu có) được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật;*

+ *Mức điểm yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật không được quy định thấp hơn 80% tổng số điểm về kỹ thuật. E-HSMT có điểm kỹ thuật không thấp hơn mức điểm yêu cầu tối thiểu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.*

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong các phương pháp dưới đây cho phù hợp.

3.1 Đối với phương pháp giá thấp nhất¹

Xác định giá thấp nhất:

- Xác định giá dự thầu;
- Hiệu chỉnh sai lệch (nếu có);
- Trừ giá trị giảm giá (nếu có);
- Xếp hạng nhà thầu:

Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng theo thời gian là E-HSĐT có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng trọn gói và hợp đồng theo đơn giá là E-HSĐT có giá dự thầu sau giảm giá thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

3.2 Đối với phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá²

Điểm giá được xác định như sau:

$$\text{Điểm giá}_{\text{đang xét}} = \frac{G_{\text{thấp nhất}} \times T}{G_{\text{đang xét}}}$$

Trong đó:

- + Điểm giá_{đang xét}: Điểm giá của E-HSDXTC đang xét;
- + $G_{\text{thấp nhất}}$: Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất trong số các nhà thầu được đánh giá chi tiết về tài chính (đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng theo thời gian). Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng trọn gói và hợp đồng theo đơn giá là giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) thấp nhất trong số các nhà thầu được đánh giá chi tiết về tài chính;
- + $G_{\text{đang xét}}$: Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hồ sơ đề xuất về tài chính đang xét (đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng theo thời gian). Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng trọn gói và hợp đồng theo đơn giá là giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) của E-HSDXTC đang xét;
- + T: Mức điểm tối đa kỹ thuật.

- Xác định điểm tổng hợp:

Điểm tổng hợp được xác định theo công thức sau đây:

$$\text{Điểm tổng hợp}_{\text{đang xét}} = K \times \text{Điểm kỹ thuật}_{\text{đang xét}} + G \times \text{Điểm giá}_{\text{đang xét}}$$

Trong đó:

- + Điểm kỹ thuật_{đang xét}: Là số điểm được xác định tại bước đánh giá về kỹ

¹ Đối với gói thầu áp dụng phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá hoặc phương pháp dựa trên kỹ thuật thì bỏ khoản này

² Đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất hoặc phương pháp dựa trên kỹ thuật thì bỏ khoản này.

thuật;

+ Điểm giá_{đang xét}: Là số điểm được xác định tại bước đánh giá về giá;

+ K: Tỷ trọng điểm về kỹ thuật quy định trong thang điểm tổng hợp, chiếm tỷ lệ 75%;

+ G: Tỷ trọng điểm về giá quy định trong thang điểm tổng hợp, chiếm tỷ lệ 25%;

+ $K + G = 100\%$;

- Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có điểm tổng hợp cao nhất được xếp hạng thứ nhất.

3.3 Đối với phương pháp dựa trên kỹ thuật:

Cách xác định giá dự thầu theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) để làm cơ sở thương thảo hợp đồng;

Bước 2. Thương thảo hợp đồng;

Bước 3. Xác định giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), thương thảo hợp đồng.